

Mẫu số 01: Báo cáo thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh

SỞ GD&ĐT TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH THEO TRÌNH ĐỘ/LĨNH VỰC/NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM 2025

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			375	364	97.07
6	Cao đẳng chính quy			250	218	87.20
6.1	Chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	250	218	87.20
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0	0	
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0	0	
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			125	112	89.60
7.1	Vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	60	53	88.33
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	65	59	90.77
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0	0	

Nam Định, ngày 11 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Trần Ngọc Hiền

Mẫu số 02: Báo cáo cơ sở pháp lý xác định chỉ tiêu tuyển sinh

SỞ GD&ĐT TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU NĂM 2026

1. Danh sách ngành đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Giáo dục mầm non	51140201	511/QĐ/BGD&ĐT-ĐH	18/03/1998	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1998	2025

2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy các ngành, các trình độ đào tạo

2.1 Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian:

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
1	Đặng Thuỳ An	03/07/1982	036182024368	Việt Nam	Nữ	01/10/2004	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn
2	Lê Thị Lan Anh	19/11/1990	036190005988	Việt Nam	Nữ	01/09/2013	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học
3	Nguyễn Ngọc Ánh	02/09/1991	036191015664	Việt Nam	Nữ	01/09/2013	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất
4	Phạm Văn Chinh	13/10/1976	036076018832	Việt Nam	Nam	01/09/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Lịch sử
5	Đình Thành Công	06/02/1984	036084012137	Việt Nam	Nam	15/10/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Âm nhạc
6	Nguyễn Minh Cường	22/08/1980	036080018237	Việt Nam	Nam	25/08/2010	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Mỹ thuật
7	Nguyễn Thị Thu Dịu	13/06/1981	036181011473	Việt Nam	Nữ	01/10/2002	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học

Mẫu số 02: Báo cáo cơ sở pháp lý xác định chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
8	Đỗ Văn Dư	01/07/1979	036079006365	Việt Nam	Nam	01/10/2002	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khoa học máy tính
9	Vũ Thị Kim Dung	01/10/1985	036185008687	Việt Nam	Nữ	15/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Chính trị
10	Hoàng Giang	10/01/1979	036079011315	Việt Nam	Nam	10/10/2002	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh
11	Bùi Thị Thu Hà	07/12/1980	036180018256	Việt Nam	Nữ	31/08/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Âm nhạc
12	Bùi Thu Hà	11/10/1974	036174015267	Việt Nam	Nữ	01/10/1995	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học
13	Lê Thị Thanh Hà	17/09/1975	036175006633	Việt Nam	Nữ	17/02/1998	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Th.S Giáo dục Tiểu học, Đại học Mầm non
14	Nguyễn Thị Kim Hằng	07/08/1985	036185007121	Việt Nam	Nữ	01/09/2007	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục
15	Nguyễn Thị Hằng	30/11/1988	035188000955	Việt Nam	Nữ	25/08/2010	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Toán học
16	Đặng Thị Mai Hiền	31/10/1986	036186005393	Việt Nam	Nữ	05/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục
17	Đỗ Thị Hiền	24/03/1986	036186011097	Việt Nam	Nữ	15/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học
18	Trần Ngọc Hiền	09/04/1965	036065012995	Việt Nam	Nam	05/09/1988	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn
19	Trần Thị Hoa	14/12/1986	036186015235	Việt Nam	Nữ	31/08/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Tin học
20	Hoàng Thị Hoà	19/10/1980	042180000311	Việt Nam	Nữ	13/09/2002	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Toán học
21	Đào Thị Thanh Hoài	18/03/1986	036184000565	Việt Nam	Nữ	01/09/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Th.S Sư phạm Ngữ văn, Đại học Mầm non

Mẫu số 02: Báo cáo cơ sở pháp lý xác định chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
22	Nguyễn Thị Hồng	03/05/1985	036185019512	Việt Nam	Nữ	05/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Tin học
23	Phạm Thị Huệ	17/03/1985	034185011629	Việt Nam	Nữ	08/01/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh
24	Trần Thị Huệ	26/03/1977	036177002606	Việt Nam	Nữ	01/09/1998	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh
25	Tạ Thị Huệ	24/01/1989	017189006897	Việt Nam	Nữ	04/10/2011	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục
26	Vũ Văn Hùng	26/01/1985	036085013769	Việt Nam	Nam	31/08/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Chính trị
27	Phạm Ngọc Hưng	26/10/1978	019078002657	Việt Nam	Nam	01/10/2002	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Mỹ thuật
28	Vũ Thị Thanh Hương	13/12/1986	036186018519	Việt Nam	Nữ	05/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Địa lý
29	Lê Thị Thanh Hương	18/06/1985	036185014616	Việt Nam	Nữ	31/08/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Chính trị
30	Nguyễn Thị Lan Hương	08/01/1981	044181006859	Việt Nam	Nữ	01/09/2013	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn
31	Vũ Quốc Khánh	08/10/1979	162279022	Việt Nam	Nam	01/10/2002	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học
32	Nguyễn Trung Kiên	07/05/1985	036085024913	Việt Nam	Nam	23/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp
33	Trần Xuân Kiều	01/05/1980	036080008806	Việt Nam	Nam	01/10/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất
34	Đỗ Hoàng Kim	10/07/1976	036076004705	Việt Nam	Nam	01/09/1999	HĐLĐ không xác định thời hạn		Đại học	Giáo dục Thể chất
35	Trần Thị Tuyết Lan	22/12/1981	036181014186	Việt Nam	Nữ	01/10/2004	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn

Mẫu số 02: Báo cáo cơ sở pháp lý xác định chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
36	Đào Thị Anh Lê	04/06/1977	036177010405	Việt Nam	Nữ	01/10/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Sư phạm Ngữ văn
37	Vũ Thị Thuỳ Linh	04/11/1987	036187006126	Việt Nam	Nữ	04/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học
38	Đình Thị Loan	06/05/1987	036187006137	Việt Nam	Nữ	30/08/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Toán học
39	Hoàng Thị Phương Loan	20/05/1986	036186008604	Việt Nam	Nữ	04/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn
40	Nguyễn Văn Long	12/04/1976	036076009459	Việt Nam	Nam	01/10/2002	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Chính trị
41	Trần Thị Mai	09/09/1987	036187004498	Việt Nam	Nữ	31/08/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học
42	Trần Thị Ban Mai	11/09/1990	037190004598	Việt Nam	Nữ	01/10/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non
43	Vũ Thị Mai	17/02/1977	038177013351	Việt Nam	Nữ	15/10/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục
44	Vũ Thị Mai	05/08/1985	036185008387	Việt Nam	Nữ	15/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Chính trị
45	Ngô Văn Nam	18/03/1980	036080010580	Việt Nam	Nam	01/09/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Mỹ thuật
46	Lê Thị Ngoãn	02/09/1982	034182003615	Việt Nam	Nữ	01/12/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục
47	Trần Minh Nguyệt	20/07/1984	036184026684	Việt Nam	Nữ	28/09/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp
48	Phạm Thị Nhạn	25/02/1986	036186021684	Việt Nam	Nữ	30/08/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp
49	Nguyễn Thị Hồng Nhị	18/10/1989	036189005655	Việt Nam	Nữ	04/10/2011	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Hoá học

Mẫu số 02: Báo cáo cơ sở pháp lý xác định chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
50	Hà Thị Hồng Nhung	24/06/1986	036186007608	Việt Nam	Nữ	31/08/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất
51	Vũ Thị Oanh	20/03/1986	036186078013	Việt Nam	Nữ	05/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục
52	Bùi Văn Quang	04/05/1987	036087022761	Việt Nam	Nam	25/08/2010	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Quốc phòng - An ninh
53	Trịnh Thị Quỳnh	19/09/1976	036176014297	Việt Nam	Nữ	20/12/1998	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn
54	Nguyễn Văn Sáng	06/07/1986	036086018527	Việt Nam	Nam	04/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất
55	Phạm Thị Minh Tâm	06/02/1984	036184015830	Việt Nam	Nữ	25/08/2010	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn
56	Trần Thị Tâm	22/12/1986	036186010078	Việt Nam	Nữ	31/08/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Chính trị
57	Nguyễn Đức Thắng	09/03/1978	036078009368	Việt Nam	Nam	01/11/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn		Đại học	Giáo dục Thể chất
58	Trần Phương Thanh	30/03/1991	036191020150	Việt Nam	Nữ	26/09/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh
59	Lưu Chí Thành	19/12/1982	036082017068	Việt Nam	Nam	01/09/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Mỹ thuật
60	Đặng Thị Thu Thảo	27/05/1985	036185008367	Việt Nam	Nữ	05/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục
61	Trần Đức Thịnh	16/05/1990	036090007996	Việt Nam	Nam	11/09/2012	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Quốc phòng - An ninh
62	Nguyễn Thị Hoài Thu	29/01/1983	036183001652	Việt Nam	Nữ	01/09/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Địa lý
63	Mai Bích Thu	15/10/1977	036177018541	Việt Nam	Nữ	15/10/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục

Mẫu số 02: Báo cáo cơ sở pháp lý xác định chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
64	Ngô Thị Thục	17/09/1979	036179008798	Việt Nam	Nữ	01/10/2001	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Chính trị
65	Bùi Thị Thuý	21/09/1975	036175014484	Việt Nam	Nữ	01/12/1997	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non
66	Bùi Thị Thanh Thuý	18/06/1977	036177005255	Việt Nam	Nữ	01/10/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Toán học
67	Phạm Thanh Thuý	09/07/1978	036178017645	Việt Nam	Nữ	15/09/2001	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non
68	Đinh Thị Chung Thuý	07/09/1985	036185023630	Việt Nam	Nữ	25/08/2010	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Âm nhạc
69	Triệu Quỳnh Trang	14/04/1984	036184029468	Việt Nam	Nữ	26/10/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Sư phạm Vật lý
70	Đỗ Minh Tuấn	08/12/1982	036082008620	Việt Nam	Nam	01/10/2004	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Toán học
71	Ngô Anh Tuấn	17/11/1979	040079008791	Việt Nam	Nam	30/06/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Địa lý
72	Phạm Văn Tuấn	15/03/1983	036083016440	Việt Nam	Nam	01/09/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất
73	Hoàng Thanh Tùng	05/12/1979	036079009998	Việt Nam	Nam	01/09/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn		Đại học	Sư phạm Toán học
74	Trần Thị Vân	05/04/1983	036183027716	Việt Nam	Nữ	04/10/2011	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn
75	Vũ Tiến Văn	18/05/1987	036087009062	Việt Nam	Nam	30/08/2013	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất
76	Nguyễn Thị Yên	08/12/1978	035178004378	Việt Nam	Nữ	15/11/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Lịch sử

2.2 Bố trí giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy các ngành ngành Giáo dục Mầm non

Mẫu số 02: Báo cáo cơ sở pháp lý xác định chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành	Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Giáo dục mầm non		
					51140201		
1	Đặng Thuỳ An	03/07/1982	036182024368	Sư phạm Ngữ văn	100	1	100
2	Lê Thị Lan Anh	19/11/1990	036190005988	Sư phạm Sinh học	100	1	100
3	Nguyễn Ngọc Ánh	02/09/1991	036191015664	Giáo dục Thể chất	100	1	100
4	Phạm Văn Chinh	13/10/1976	036076018832	Sư phạm Lịch sử	100	1	100
5	Đình Thành Công	06/02/1984	036084012137	Sư phạm Âm nhạc	100	1	100
6	Nguyễn Minh Cường	22/08/1980	036080018237	Sư phạm Mỹ thuật	100	1	100
7	Nguyễn Thị Thu Diệu	13/06/1981	036181011473	Sư phạm Hoá học	100	1	100
8	Đỗ Văn Dur	01/07/1979	036079006365	Khoa học máy tính	100	1	100
9	Vũ Thị Kim Dung	01/10/1985	036185008687	Giáo dục Chính trị	100	1	100
10	Hoàng Giang	10/01/1979	036079011315	Sư phạm Tiếng Anh	100	1	100
11	Bùi Thị Thu Hà	07/12/1980	036180018256	Sư phạm Âm nhạc	100	1	100
12	Bùi Thu Hà	11/10/1974	036174015267	Sư phạm Sinh học	100	1	100
13	Lê Thị Thanh Hà	17/09/1975	036175006633	Th.S Giáo dục Tiểu học, Đại học Mầm non	100	1	100
14	Nguyễn Thị Kim Hằng	07/08/1985	036185007121	Tâm lý học giáo dục	100	1	100
15	Nguyễn Thị Hằng	30/11/1988	035188000955	Sư phạm Toán học	100	1	100
16	Đặng Thị Mai Hiền	31/10/1986	036186005393	Tâm lý học giáo dục	100	1	100
17	Đỗ Thị Hiền	24/03/1986	036186011097	Sư phạm Hoá học	100	1	100
18	Trần Ngọc Hiễn	09/04/1965	036065012995	Sư phạm Ngữ văn	100	1	100
19	Trần Thị Hoa	14/12/1986	036186015235	Sư phạm Tin học	100	1	100

Mẫu số 02: Báo cáo cơ sở pháp lý xác định chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành	Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Giáo dục mầm non		
					51140201		
20	Hoàng Thị Hoà	19/10/1980	042180000311	Sư phạm Toán học	100	1	100
21	Đào Thị Thanh Hoài	18/03/1986	036184000565	Th.S Sư phạm Ngữ văn, Đại học Mầm non	100	1	100
22	Nguyễn Thị Hồng	03/05/1985	036185019512	Sư phạm Tin học	100	1	100
23	Phạm Thị Huệ	17/03/1985	034185011629	Sư phạm Tiếng Anh	100	1	100
24	Trần Thị Huệ	26/03/1977	036177002606	Sư phạm Tiếng Anh	100	1	100
25	Tạ Thị Huệ	24/01/1989	017189006897	Tâm lý học giáo dục	100	1	100
26	Vũ Văn Hùng	26/01/1985	036085013769	Giáo dục Chính trị	100	1	100
27	Phạm Ngọc Hưng	26/10/1978	019078002657	Sư phạm Mỹ thuật	100	1	100
28	Vũ Thị Thanh Hương	13/12/1986	036186018519	Sư phạm Địa lý	100	1	100
29	Lê Thị Thanh Hương	18/06/1985	036185014616	Giáo dục Chính trị	100	1	100
30	Nguyễn Thị Lan Hương	08/01/1981	044181006859	Sư phạm Ngữ văn	100	1	100
31	Vũ Quốc Khánh	08/10/1979	162279022	Sư phạm Sinh học	100	1	100
32	Nguyễn Trung Kiên	07/05/1985	036085024913	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	100	1	100
33	Trần Xuân Kiều	01/05/1980	036080008806	Giáo dục Thể chất	100	1	100
34	Đỗ Hoàng Kim	10/07/1976	036076004705	Giáo dục Thể chất	100	1	100
35	Trần Thị Tuyết Lan	22/12/1981	036181014186	Sư phạm Ngữ văn	100	1	100
36	Đào Thị Anh Lê	04/06/1977	036177010405	Sư phạm Ngữ văn	100	1	100
37	Vũ Thị Thủy Linh	04/11/1987	036187006126	Sư phạm Hoá học	100	1	100
38	Đình Thị Loan	06/05/1987	036187006137	Sư phạm Toán học	100	1	100

Mẫu số 02: Báo cáo cơ sở pháp lý xác định chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành	Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Giáo dục mầm non		
					51140201		
39	Hoàng Thị Phương Loan	20/05/1986	036186008604	Sư phạm Ngữ văn	100	1	100
40	Nguyễn Văn Long	12/04/1976	036076009459	Giáo dục Chính trị	100	1	100
41	Trần Thị Mai	09/09/1987	036187004498	Sư phạm Hoá học	100	1	100
42	Trần Thị Ban Mai	11/09/1990	037190004598	Giáo dục Mầm non	100	1	100
43	Vũ Thị Mai	17/02/1977	038177013351	Tâm lý học giáo dục	100	1	100
44	Vũ Thị Mai	05/08/1985	036185008387	Giáo dục Chính trị	100	1	100
45	Ngô Văn Nam	18/03/1980	036080010580	Sư phạm Mỹ thuật	100	1	100
46	Lê Thị Ngoãn	02/09/1982	034182003615	Tâm lý học giáo dục	100	1	100
47	Trần Minh Nguyệt	20/07/1984	036184026684	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	100	1	100
48	Phạm Thị Nhạn	25/02/1986	036186021684	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	100	1	100
49	Nguyễn Thị Hồng Nhị	18/10/1989	036189005655	Sư phạm Hoá học	100	1	100
50	Hà Thị Hồng Nhung	24/06/1986	036186007608	Giáo dục Thể chất	100	1	100
51	Vũ Thị Oanh	20/03/1986	036186078013	Tâm lý học giáo dục	100	1	100
52	Bùi Văn Quang	04/05/1987	036087022761	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	100	1	100
53	Trịnh Thị Quỳnh	19/09/1976	036176014297	Sư phạm Ngữ văn	100	1	100
54	Nguyễn Văn Sáng	06/07/1986	036086018527	Giáo dục Thể chất	100	1	100
55	Phạm Thị Minh Tâm	06/02/1984	036184015830	Sư phạm Ngữ văn	100	1	100
56	Trần Thị Tâm	22/12/1986	036186010078	Giáo dục Chính trị	100	1	100
57	Nguyễn Đức Thắng	09/03/1978	036078009368	Giáo dục Thể chất	100	1	100
58	Trần Phương Thanh	30/03/1991	036191020150	Sư phạm Tiếng Anh	100	1	100

Mẫu số 02: Báo cáo cơ sở pháp lý xác định chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành	Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
					Giáo dục mầm non		
					51140201		
59	Lưu Chí Thành	19/12/1982	036082017068	Sư phạm Mỹ thuật	100	1	100
60	Đặng Thị Thu Thảo	27/05/1985	036185008367	Tâm lý học giáo dục	100	1	100
61	Trần Đức Thịnh	16/05/1990	036090007996	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	100	1	100
62	Nguyễn Thị Hoài Thu	29/01/1983	036183001652	Sư phạm Địa lý	100	1	100
63	Mai Bích Thu	15/10/1977	036177018541	Tâm lý học giáo dục	100	1	100
64	Ngô Thị Thục	17/09/1979	036179008798	Giáo dục Chính trị	100	1	100
65	Bùi Thị Thuý	21/09/1975	036175014484	Giáo dục Mầm non	100	1	100
66	Bùi Thị Thanh Thuý	18/06/1977	036177005255	Sư phạm Toán học	100	1	100
67	Phạm Thanh Thuý	09/07/1978	036178017645	Giáo dục Mầm non	100	1	100
68	Đinh Thị Chung Thuý	07/09/1985	036185023630	Sư phạm Âm nhạc	100	1	100
69	Triệu Quỳnh Trang	14/04/1984	036184029468	Sư phạm Vật lý	100	1	100
70	Đỗ Minh Tuấn	08/12/1982	036082008620	Sư phạm Toán học	100	1	100
71	Ngô Anh Tuấn	17/11/1979	040079008791	Sư phạm Địa lý	100	1	100
72	Phạm Văn Tuấn	15/03/1983	036083016440	Giáo dục Thể chất	100	1	100
73	Hoàng Thanh Tùng	05/12/1979	036079009998	Sư phạm Toán học	100	1	100
74	Trần Thị Vân	05/04/1983	036183027716	Sư phạm Ngữ văn	100	1	100
75	Vũ Tiến Văn	18/05/1987	036087009062	Giáo dục Thể chất	100	1	100
76	Nguyễn Thị Yên	08/12/1978	035178004378	Sư phạm Lịch sử	100	1	100

3. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các ngành, các trình độ đào tạo: Không

4. Danh sách cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa: Không

5. Công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng

Mẫu số 02: Báo cáo cơ sở pháp lý xác định chỉ tiêu tuyển sinh

5.1 Cơ sở đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

Số quyết định	Ngày quyết định	Tổ chức công nhận
843/QĐ-KĐCL	01/08/2025	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

5.2 Chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng: Không

6. Hội đồng trường/ Hội đồng đại học

6.1 Quyết định thành lập

Số quyết định	Ngày quyết định	Đơn vị ký ban hành quyết định
1110/QĐ-UBND	16/06/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

6.2 Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Giới tính	Chức vụ trong Hội đồng trường	Cơ quan công tác	Chức vụ nơi cơ quan công tác
1	Trần Thị Huệ	Thạc sĩ	Nữ	Ủy viên	Trường CĐSP Nam Định	Giảng viên cơ hữu
2	Vũ Thị Hồng Giang	Thạc sĩ	Nữ	Ủy viên	Mầm non độc lập hệ Mặt trời	Hiệu trưởng
3	Nguyễn Văn Long	Thạc sĩ	Nam	Ủy viên	Trường CĐSP Nam Định	Phó Trưởng phòng, khoa và tương đương
4	Triệu Quỳnh Trang	Tiến sĩ	Nữ	Ủy viên	Trường CĐSP Nam Định	Phó Trưởng phòng, khoa và tương đương
5	Lê Thị Thanh Hà	Thạc sĩ	Nữ	Ủy viên	Trường CĐSP Nam Định	Trưởng phòng, khoa và tương đương
6	Phạm Thị Long Quân	Thạc sĩ	Nữ	Ủy viên	Trường Mầm non 8 -3	Hiệu trưởng
7	Bùi Anh Tuấn	Thạc sĩ	Nam	Ủy viên	Sở GD &ĐT Nam Định	Nguyên Trưởng phòng, khoa và tương đương
8	Phạm Quang Khải	Đại học	Nam	Ủy viên	Trường CĐSP Nam Định	Trưởng phòng, khoa và tương đương
9	Bùi Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ	Nữ	Ủy viên	Trường CĐSP Nam Định	Trưởng phòng, khoa và tương đương
10	Lê Xuân Đông	Thạc sĩ	Nam	Ủy viên	Trường CĐSP Nam Định	Trưởng phòng, khoa và tương đương
11	Trần Hữu Khánh	Thạc sĩ	Nam	Ủy viên	Phòng Văn hoá xã hội, P. Xuân Trường, T. Ninh Bình	Trưởng phòng, khoa và tương đương
12	Phạm Văn Chinh	Thạc sĩ	Nam	Thư ký	Trường CĐSP Nam Định	Trưởng phòng, khoa và tương đương

Mẫu số 02: Báo cáo cơ sở pháp lý xác định chỉ tiêu tuyển sinh

13	Trần Ngọc Hiền	Thạc sĩ	Nam	Ủy viên	Trường CĐSP Nam Định	Hiệu trưởng
14	Trịnh Thị Quỳnh	Thạc sĩ	Nữ	Chủ tịch	Trường CĐSP Nam Định	Trưởng phòng, khoa và tương đương
15	Nguyễn Thị Hoài Thu	Thạc sĩ	Nữ	Ủy viên	Trường CĐSP Nam Định	Phó Trưởng phòng, khoa và tương đương

7. Các văn bản triển khai thực hiện quyền tự chủ

STT	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành QĐ
1	Quy chế tổ chức và hoạt động	01/QĐ-CĐSP	02/01/2023	Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định
2	Quy chế chi tiêu nội bộ	258/QĐ-CĐSP	25/12/2024	Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định
3	Báo cáo thường niên năm 2025 (Thực hiện theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)	Số 126/CĐSP	09/6/2025	Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định

8. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh)
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	511				0
1.1	Giáo dục mầm non	51140201	117	48	44	90,9
	Tổng		117	48	44	0

Ninh Bình, ngày 11 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG SƯ PHẠM
NAM ĐỊNH
Trần Ngọc Hiền

Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện xác định chỉ tiêu

SỞ GD&ĐT TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2026

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 11/5/2026 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			713
6	Cao đẳng chính quy			554
6.1	Chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	554
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			159
7.1	Vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	101
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	58
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0

2. Dự kiến người học tốt nghiệp năm 2026 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			0	255
6	Cao đẳng chính quy			0	184
6.1	Chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	3	184
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.5	0

Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện xác định chỉ tiêu

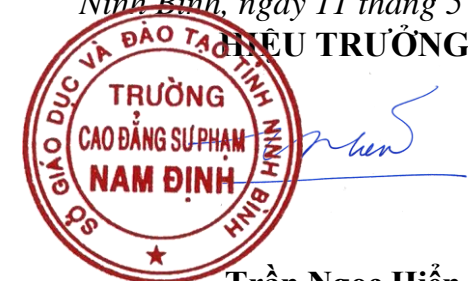
3.2 Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người): Không

4. Cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa: Không

5. Cơ sở vật chất đến ngày 11/5/2026

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	104	5059.5
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	182
1.2	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	1	109
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	34	2313.5
1.4	Số phòng dưới 50 chỗ	27	877.6
1.5	Số phòng học đa phương tiện	4	302.4
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	37	1275
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	259
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	2	653.8
	TỔNG	107	5972.3

Ninh Bình, ngày 11 tháng 5 năm 2026



Trần Ngọc Hiển

Mẫu số 04: Báo cáo đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh

SỞ GD&ĐT TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2026

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đăng ký
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			375
6	Cao đẳng chính quy			250
6.1	Chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	250
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			125
7.1	Vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	60
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	65
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0

Ninh Bình, ngày 11 tháng 05 năm 2026

